

Số Seri/ Serial No.:

HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN TERM DEPOSIT AGREEMENT

Số/ No. : (ghi số tài khoản của HD TGCKH)
 Ngày ký/ Signing date :

1.	BÊN A (Bên Nhận gửi) <i>PARTY A (Receiver)</i>	:	NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SACOMBANK) CN/PGD – <i>SAIGON THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK (SACOMBANK) – BRANCH/TRANSACTION OFFICE</i>
	Địa chỉ/ Address	:	
	Điện thoại/Fax/ Phone/Fax	:	
	Đại diện bởi Ông/Bà – Chức vụ <i>Represented by Mr./Ms. – Position</i>	:	
	Theo văn bản ủy quyền số (nếu có) <i>Pursuant to Power of Attorney No. (if any)</i>	:	

2.	BÊN B (Bên Gửi) <i>PARTY B (Depositor)</i>	:	Mã KH: <i>Customer code</i>
<i>{Nếu Bên Gửi là cá nhân thì điền các thông tin sau}</i>			
	Số CMND/CCCD/HC <i>ID/Citizen Card/Passport No.</i>	:	Ngày cấp: <i>Date of issue</i>
	Quốc tịch/Nationality	:	
	Thuộc đối tượng/Being	:	Người cư trú/Người không cư trú <i>Resident/Non-Resident</i>
	Đại diện bởi Ông/Bà <i>Represented by Mr./Ms.</i>	:	
	Số CMND/CCCD/HC <i>ID/Citizen Card/Passport No.</i>	:	Ngày cấp: <i>Date of issue</i>
	Giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp/ <i>Documents evidencing the legal representation</i>	:	
<i>{Nếu Bên Gửi là tổ chức thì điền các thông tin sau}</i>			
	Tên giao dịch hoặc tên viết tắt <i>Transaction/Abbreviated name</i>	:	Mã KH: <i>Customer code</i>
	Số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận ĐKKD/Giấy chứng nhận ĐKDN/Giấy chứng nhận ĐKĐT/Mã số thuế/ <i>Establishment Decision/Business Registration Certificate/Enterprise</i>	:	Ngày cấp: <i>Date of issue</i>

	<i>Registration Certificate/Investment Registration Certificate No./Tax Code</i>		
	<i>Thuộc đối tượng/ Being</i>	:	<i>Người cư trú/Người không cư trú Resident/Non-Resident</i>
	<i>Địa chỉ/ Address</i>	:	
	<i>Điện thoại/Fax/ Phone/Fax</i>	:	
	<i>Đại diện bởi Ông/Bà – Chức vụ Represented by Mr./Ms. – Position</i>	:	
	<i>Số CMND/CCCD/HC ID/Citizen Card/Passport No.</i>	:	<i>Ngày cấp: Date of issue</i>
	<i>Theo văn bản ủy quyền số (nếu có) Pursuant to Power of Attorney No. (if any)</i>	:	

Bên A đồng ý nhận tiền gửi có kỳ hạn của Bên B với những điều khoản và điều kiện sau:

Party A agrees to receive Party B's term deposit under the following terms and conditions:

1. Số tiền gửi/ *Deposit amount:*.....
(Bằng chữ/ *In words:*.....)
2. Đồng tiền gửi/ *Currency:*..... Thời hạn gửi tiền/ *Deposit term:*.....
3. Ngày gửi tiền/ *Deposit date:*..... Ngày đến hạn/ *Maturity date:*.....
4. Lãi suất/ *Interest rate:*%/năm, với cơ sở tính lãi là 365/365 (.....%/year and the basis of interest calculation is 365/365).
5. Phương thức nộp tiền/ *Deposit method:*

Để gửi tiền có kỳ hạn theo Hợp đồng này, vào ngày gửi tiền theo Điều 3 nêu trên, Bên B phải gửi đầy đủ số tiền gửi quy định tại Điều 1 theo phương thức sau/ *To make the term deposit according to this Agreement, on Deposit date mentioned in Article 3 above, Party B must deposit the full amount mentioned in Article 1 by the following methods:*

- Ủy quyền cho Bên A được trích tiền từ tài khoản thanh toán của Bên B mở tại Bên A với thông tin tài khoản như sau/ *Authorize Party A to deduct all deposit amount from Party B's current account opened at Party A as follows:*
 - + Chủ tài khoản/ *Account holder:*.....
 - + Số tài khoản/ *Account No.:*.....
- Chuyển tiền đến Bên A từ tài khoản thanh toán của Bên B mở tại ngân hàng khác với thông tin tài khoản và nội dung chuyển khoản như sau/ *Transfer all deposit amount to Party A from Party B's current account opened at another bank with the account information and transfer contents as follows:*
 - + Chủ tài khoản/ *Account holder:*.....
 - + Số tài khoản/ *Account No.:*.....
 - + Tại ngân hàng/ *At Bank:*..... Tỉnh/TP/ *Province/City:*.....
 - + Nội dung chuyển khoản/ *Transfer contents:*
 - Người thụ hưởng/ *Beneficiary:* [Tên Khách hàng/ *Customer name*].

- Ngân hàng thụ hưởng/ *Beneficiary Bank*: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – [Tên CN/PGD]/ *Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank* – Branch/*Transaction Office*.
 - Nội dung diễn giải/ *Remark*: [Tên Khách hàng] chuyển tiền HD TGCKH số [số Hợp đồng] – [Tên CN/PGD]/ “Customer name” transfer money for Term Deposit Agreement No. – Branch/*Transaction Office*.
6. Phương thức trả lãi/ *Interest payment method*: Lãi cuối kỳ/Lãi hàng tháng/Lãi hàng quý/Lãi trả trước/ *Interest payment at maturity/Monthly interest payment/Quarterly interest payment/Prepaid interest payment*. {Đơn vị chọn và lược bỏ nội dung còn lại}
7. Tài khoản nhận chi trả gốc và/hoặc lãi tiền gửi/ *Account of receiving principal and interest*:
Nếu không có thỏa thuận khác bằng văn bản, việc chi trả gốc và/hoặc lãi sau khi trừ phí phát sinh (nếu có) thực hiện theo phương thức sau/ *Unless otherwise agreed in writing, the payment of principal and/or interest after deducting arising fees (if any) shall be performed by the following methods*:
- Bên A chuyển khoản toàn bộ gốc và/hoặc lãi theo Hợp đồng này vào tài khoản thanh toán của Bên B mở tại Bên A với thông tin sau/ *Party A transfers all principal and/or interest under this Agreement to Party B's current account opened at Party A as follows*:
 - + Chủ tài khoản/ *Account holder*:
 - + Số tài khoản/ *Account No.*:
 - Bên A chuyển khoản toàn bộ gốc và/hoặc lãi theo Hợp đồng này vào tài khoản thanh toán của Bên B mở tại ngân hàng khác với thông tin như sau/ *Party A transfers all principal and/or interest under this Agreement to Party B's current account opened at another bank as follows*:
 - + Chủ tài khoản/ *Account holder*:
 - + Số tài khoản/ *Account No.*:
 - + Tại ngân hàng/ *At Bank*: Tỉnh/TP/ *Province/City*:
8. Rút trước hạn/ *Premature withdrawal*: Bên B được quyền rút trước hạn toàn bộ số tiền gửi trong thời hạn gửi tiền. Việc rút trước hạn một phần số tiền gửi thực hiện theo quy định của từng sản phẩm/loại hình tiền gửi của Sacombank được công khai trong từng thời kỳ/ *Party B is entitled to prematurely withdraw the entire deposit during the deposit term. Premature withdrawal of part of the deposit shall be in accordance with Sacombank's regulations of each product/type of deposit from time to time*.
9. Tái tục hợp đồng/ *Renewal of Agreement*: Không tái tục/Tái tục/ *Non-Renewal/Renewal*.
{Đơn vị chọn và lược bỏ nội dung còn lại}
10. Phương thức tái tục/ *Renewal method*: Tái tục vốn/Tái tục vốn và lãi/ *Automatic renewal of principal/Automatic renewal of principal and interest*. {Đơn vị chọn và lược bỏ nội dung còn lại}
11. Điều khoản thi hành/ *Terms of enforcement*:
- Hợp đồng này cùng với Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn là một phần không thể tách rời tạo nên Hợp đồng này, tạo nên toàn bộ thỏa thuận giữa Bên A và Bên B về tiền gửi có kỳ hạn. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung Hợp đồng này và Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, nội dung Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng/ *This Agreement, together with*

the Appendix on Terms and conditions on the term deposit, which is an integral part of this Agreement, shall constitute all agreement between Party A and Party B on the term deposit. In case of any inconsistency between this Agreement and the Appendix on Terms and Conditions on the term deposit, this Agreement shall prevail.

- Bằng việc ký vào Hợp đồng này, Bên B xác nhận đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận tuân thủ Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, các thông tin, quy định của Sacombank về sản phẩm, dịch vụ/ *By signing this Agreement, Party B confirms that it has been fully provided, has read, understood and accepted to comply with the Appendix on Terms and Conditions on the term deposit, information and Sacombank's regulations on products and services.*
- Bên A có quyền sửa đổi, bổ sung Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, các thông tin, quy định về sản phẩm, dịch vụ tại từng thời điểm để đáp ứng yêu cầu của quy định pháp luật cũng như đảm bảo quyền lợi của Bên B và Bên A. Trước khi bản thay đổi có hiệu lực, Bên A phải thông báo cho Bên B trước chậm nhất 01 (một) ngày bằng một trong các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp đến địa chỉ của Bên B cung cấp hoặc công bố trên website <https://www.sacombank.com.vn> của Bên A hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của Bên A. Bên B có trách nhiệm chủ động truy cập website hoặc đến địa điểm giao dịch của Bên A để liên tục cập nhật các sửa đổi, bổ sung này. Các sửa đổi, bổ sung sẽ chỉ có giá trị hiệu lực nếu Bên B tiếp tục sử dụng dịch vụ sau khi sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi Thông báo bằng văn bản cho Sacombank trước 03 (ba) ngày nếu không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung này/ *Party A shall be entitled to amend, supplement this Appendix on Terms and Conditions on the term deposit, information, and regulations on products and services from time to time to satisfy the requirements of laws as well as to ensure the rights of Party B and Party A. Party A shall notify Party B at least 01 (one) day before the effective date of such amendments and supplements by one of the following methods: send mail/email directly to the address provided by Party B or publish on Party A's website <https://www.sacombank.com.vn> or announce on the mass media or post at Party A's transaction offices. Party B shall be responsible to actively access Party A's website or come to Party A's transaction offices to continuously stay updated on such amendments and supplements. The amendments and supplements will only be valid if Party B continues to use the service after the amendments and supplements take effect. Party B shall be entitled to terminate this Agreement by sending Party A a written notice prior to 03 (three) days if Party B disagree with such amendments and supplements.*
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn tất quyền và nghĩa vụ được thỏa thuận tại Hợp đồng này/ *This Agreement shall be effective from the signing date and terminated when the Parties complete all rights and obligations agreed in this Agreement.*
- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản. Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Việt có giá trị ưu tiên áp

Sacombank

dụng/ This Agreement is made in 02 (two) copies with the same validity, each Party keeps 01 (one) copy. In case of any inconsistency between Vietnamese and English contents, the Vietnamese contents shall prevail.

ĐẠI DIỆN BÊN B

FOR AND ON BEHALF OF PARTY B

ĐẠI DIỆN BÊN A

FOR AND ON BEHALF OF PARTY A